ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Số 659 /QĐ-ĐHHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản đợt 23 (tháng 05 năm 2020) tại Hội đồng thi Trung tâm CNTT Hồng Đức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định 709/QĐ-ĐHHĐ ngày 12/5/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về việc phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-ĐHHĐ ngày 08/06/2018 của Hiệu trưởng về việc giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng, thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cho Trung tâm Công nghệ thông tin Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-ĐHHĐ ngày 11/06/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về ban hành Quy định tổ chức bồi dưỡng, thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Tờ trình số 13/TTr-TTCNTTHĐ ngày 05/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng thi kỳ thi cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản đợt 23 (tháng 05 năm 2020);

Xét đề nghị của ông Giám đốc Trung tâm CNTT Hồng Đức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 155 (***Một trăm năm mươi lăm***) thí sinh đạt yêu cầu trong kì thi cấp chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản tại Trung tâm CNTT Hồng Đức tổ chức ngày 30 tháng 5 năm 2020 (*có danh sách cụ thể kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm CNTT Hồng Đức, trưởng các đơn vị liên quan và thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, TT CNTT HĐ.

Q. HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 6 năm 2020

DANH SÁCH
Thí sinh đạt yêu cầu kì thi cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản
Ngày thi: 30/5/2020

(Kèm theo Quyết định số 659 /QĐ-ĐHHĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi		Kết quả
					Trắc nghiệm	Thực hành	
1	200530100	Lê Thị Lan	Anh	14/08/1997	7.00	8.0	Đạt
2	200530099	Trịnh Thị Vân	Anh	11/05/1994	7.00	7.5	Đạt
3	200530102	Vũ Thị	Ánh	16/12/1997	7.00	8.5	Đạt
4	200530103	Trần Thị	Bình	10/12/1979	5.75	5.5	Đạt
5	200530001	Lê Ngọc	Chân	05/11/1966	6.50	7.0	Đạt
6	200530002	Mai Văn	Chinh	20/11/1983	6.00	5.5	Đạt
7	200530004	Nguyễn Văn	Chuyên	12/03/1984	7.00	6.5	Đạt
8	200530005	Vũ Minh	Công	20/10/1965	7.00	8.5	Đạt
9	200530104	Thao Văn	Di	16/03/1998	6.25	7.0	Đạt
10	200530007	Hoàng Tân	Định	13/07/1980	6.75	7.0	Đạt
11	200530006	Nguyễn Văn	Định	17/11/1978	6.25	6.5	Đạt
12	200530105	Hà Thị	Dịu	27/07/1998	6.50	6.5	Đạt
13	200530008	Lương Văn	Đức	17/01/1987	6.25	8.0	Đạt
14	200530082	Đỗ Thị	Dung	22/11/1985	8.00	7.5	Đạt
15	200530009	Nguyễn Thùy	Dung	12/04/1995	6.25	9.5	Đạt
16	200530010	Trần Thị Kim	Dung	26/11/1974	5.00	9.5	Đạt
17	200530011	Hoàng Đức	Dương	05/10/1980	6.25	7.0	Đạt
18	200530012	Hà Văn	Duy	05/12/1988	5.75	7.5	Đạt
19	200530106	Trần Thị	Giang	05/06/1990	6.50	7.0	Đạt
20	200530108	Bùi Thị	Hà	02/03/1996	5.50	7.0	Đạt
21	200530083	Lê Thị	Hà	15/07/1982	8.00	8.0	Đạt
22	200530107	Lê Thị Thu	Hà	19/09/1998	7.00	7.5	Đạt
23	200530013	Trần Thị	Hà	19/08/1999	6.50	9.0	Đạt
24	200530109	Nguyễn Thị	Hằng	01/03/1985	6.75	7.5	Đạt
25	200530014	Văn Doãn	Hằng	10/06/1986	8.00	9.0	Đạt
26	200530110	Lê Thị	Hạnh	16/07/1997	6.50	6.5	Đạt
27	200530015	Nguyễn Thị	Hạnh	22/06/1986	5.75	6.5	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi		Kết quả
					Trắc nghiệm	Thực hành	
28	200530016	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/12/1983	6.00	7.0	Đạt
29	200530019	Nguyễn Văn	Hiệp	07/03/1975	6.75	6.5	Đạt
30	200530084	Hồ Sỹ	Hiếu	28/05/1991	7.00	8.5	Đạt
31	200530112	Nguyễn Thị	Hiếu	30/12/1997	6.50	7.5	Đạt
32	200530020	Phạm Văn	Hiệu	02/01/1978	6.00	6.0	Đạt
33	200530113	Phạm Thị	Hoa	01/02/1997	7.25	6.5	Đạt
34	200530022	Đào Trung	Hòa	09/12/1976	5.75	6.0	Đạt
35	200530114	Nguyễn Quang	Hòa	03/05/1998	6.50	8.0	Đạt
36	200530021	Nguyễn Thị	Hòa	17/05/1978	8.00	9.5	Đạt
37	200530023	Cao Thị	Hoài	06/01/1983	6.50	6.5	Đạt
38	200530115	Đinh Thị	Hoài	16/07/1998	5.75	8.0	Đạt
39	200530024	Nguyễn Trung	Hoan	29/12/1974	5.75	6.5	Đạt
40	200530172	Nguyễn Đức	Hoàng	12/05/1994	6.25	7.5	Đạt
41	200530025	Nguyễn Thế	Hoàng	23/05/1982	6.75	5.5	Đạt
42	200530027	Lê Thị	Hồng	26/10/1997	6.00	7.0	Đạt
43	200530116	Lương Thị Mai	Hồng	04/10/1990	6.50	6.0	Đạt
44	200530028	Vi Văn	Hợp	02/12/1983	6.25	8.5	Đạt
45	200530117	Hoàng Thị Thanh	Huệ	05/11/1998	6.00	8.0	Đạt
46	200530030	Nguyễn Đức	Hùng	04/01/1985	6.25	6.5	Đạt
47	200530029	Nguyễn Trọng	Hùng	23/06/1975	6.75	5.0	Đạt
48	200530031	Ngô Quốc	Hưng	15/09/1978	6.25	6.0	Đạt
49	200530032	Nguyễn Văn	Hưng	02/02/1975	6.75	7.0	Đạt
50	200530085	Phạm Quốc	Hưng	24/12/1967	8.00	9.5	Đạt
51	200530086	Trịnh Kiều	Hưng	29/12/1983	8.00	7.5	Đạt
52	200530119	Bùi Thị	Hương	24/12/1998	5.75	8.0	Đạt
53	200530033	Nguyễn Thị	Hương	10/10/1986	8.00	7.5	Đạt
54	200530118	Nguyễn Thị	Hương	02/08/1998	5.75	7.0	Đạt
55	200530165	Phạm Thị	Hương	28/09/1996	6.25	6.0	Đạt
56	200530087	Phùng Thị Minh	Hương	08/08/1980	8.00	7.5	Đạt
57	200530034	Trần Thị	Hương	15/10/1982	7.25	6.0	Đạt
58	200530035	Lê Hồng	Huyên	05/10/1973	6.75	7.0	Đạt
59	200530036	Phạm Thị	Huyền	05/10/1980	8.00	6.0	Đạt
60	200530088	Phạm Thị	Huyền	02/01/1980	7.00	8.5	Đạt
61	200530017	Văn Thị Thùy	Huyền	16/10/1984	6.00	7.0	Đạt
62	200530121	Nguyễn Văn	Khánh	25/05/1979	7.00	8.0	Đạt
63	200530122	Lê Duy	Kiên	05/11/1996	7.50	8.0	Đạt
64	200530037	Trần Xuân	Kiên	10/10/1984	6.25	7.0	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi		Kết quả
					Trắc nghiệm	Thực hành	
65	200530038	Lê Huy	Kỳ	02/09/1963	8.00	7.5	Đạt
66	200530089	Nguyễn Thị	Lan	09/02/1978	8.00	7.5	Đạt
67	200530039	Vũ Thị	Lan	07/07/1984	6.25	5.5	Đạt
68	200530090	Cao Thị Cẩm	Lệ	12/04/1981	7.25	8.0	Đạt
69	200530040	Trần Thị	Len	05/03/1995	6.00	7.5	Đạt
70	200530166	Mai Thị	Liên	01/09/1976	7.25	7.0	Đạt
71	200530041	Nguyễn Thị	Liên	10/08/1980	7.00	6.0	Đạt
72	200530042	Lê Thị Hải	Linh	27/09/1982	6.50	7.5	Đạt
73	200530125	Lê Thị Mỹ	Linh	31/08/1998	6.50	7.5	Đạt
74	200530124	Trần Thị Diệu	Linh	01/09/1997	7.00	7.0	Đạt
75	200530092	Lê Thị	Loan	18/05/1989	8.00	7.0	Đạt
76	200530043	Nguyễn Thị	Loan	02/05/1981	6.50	5.5	Đạt
77	200530044	Lường Ngọc	Lưu	01/07/1982	7.00	7.5	Đạt
78	200530126	Trần Thị	Lý	01/02/1998	6.50	7.0	Đạt
79	200530127	Lê Thị Thanh	Mai	21/03/1991	6.50	8.0	Đạt
80	200530045	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	19/09/1972	7.00	8.5	Đạt
81	200530167	Phạm Thị	Mai	01/09/1980	7.25	7.0	Đạt
82	200530128	Trần Thị	Mai	13/09/1983	6.75	8.0	Đạt
83	200530047	Nguyễn Văn	Mạnh	12/04/1984	6.25	7.0	Đạt
84	200530049	Lê Thị Thùy	Minh	09/02/1982	6.50	6.0	Đạt
85	200530048	Ngô Hữu	Minh	05/07/1982	6.25	5.0	Đạt
86	200530129	Nguyễn Thị	Minh	31/01/1998	6.50	7.5	Đạt
87	200530093	Lê Đình	Nam	23/08/1991	6.50	6.5	Đạt
88	200530052	Mai Văn	Nam	17/09/1984	5.50	7.5	Đạt
89	200530051	Nguyễn Hoài	Nam	26/10/1970	8.00	8.0	Đạt
90	200530131	Trần Thị	Ngân	15/10/1995	6.75	7.0	Đạt
91	200530132	Lê Văn	Ngọ	26/03/1989	6.50	8.0	Đạt
92	200530053	Vũ Duy	Ngọc	10/05/1985	7.25	8.0	Đạt
93	200530133	Nguyễn Văn	Nhuệ	02/10/1997	6.50	8.0	Đạt
94	200530072	Nguyễn Thị	Nhung	13/10/1976	8.00	10.0	Đạt
95	200530054	Trần Thị	Oanh	28/10/1978	6.50	8.5	Đạt
96	200530055	Trịnh Hồng	Phú	20/09/1979	5.75	7.0	Đạt
97	200530135	Nguyễn Lương	Phương	12/08/1978	7.00	8.5	Đạt
98	200530134	Nguyễn Thị	Phương	02/09/2000	5.75	8.5	Đạt
99	200530136	Nguyễn Thị	Phượng	26/04/1976	6.50	7.0	Đạt
100	200530137	Lê Thị Thiều	Quang	09/02/1973	7.25	7.0	Đạt
101	200530057	Lê Văn	Quyền	10/08/1976	6.00	6.0	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi		Kết quả
					Trắc nghiệm	Thực hành	
102	200530056	Nguyễn Văn	Quyền	10/08/1980	6.00	7.5	Đạt
103	200530138	Nguyễn Như	Quỳnh	16/12/1994	7.00	8.5	Đạt
104	200530139	Đặng Thế	Sơn	14/11/1997	6.75	10.0	Đạt
105	200530141	Nguyễn Ngọc	Sơn	19/09/1988	6.00	8.5	Đạt
106	200530058	Nguyễn Thị	Sơn	27/10/1973	8.00	7.5	Đạt
107	200530140	Nguyễn Tiến	Sơn	05/08/1994	6.25	6.5	Đạt
108	200530142	Nguyễn Văn	Sơn	15/08/1982	6.00	7.0	Đạt
109	200530168	Trịnh Thăng	Sự	05/10/1963	6.50	7.5	Đạt
110	200530143	Trần Văn	Sỹ	21/10/1982	6.25	7.5	Đạt
111	200530144	Hà Duy	Tài	03/12/1997	6.75	9.5	Đạt
112	200530060	Hà Công	Tâm	10/10/1979	5.75	7.0	Đạt
113	200530145	Nguyễn Ngọc	Tân	13/02/1991	8.25	8.0	Đạt
114	200530061	Bùi Văn	Tăng	30/08/1975	6.75	7.5	Đạt
115	200530146	Nguyễn Bách	Thắng	01/03/1994	7.00	7.0	Đạt
116	200530163	Nguyễn Quốc	Thanh	07/04/1973	8.00	6.0	Đạt
117	200530062	Nguyễn Văn	Thành	07/01/1978	6.50	7.5	Đạt
118	200530147	Nguyễn Xuân	Thành	25/08/1978	6.25	8.5	Đạt
119	200530148	Trần Đăng	Thành	10/12/1974	6.25	8.0	Đạt
120	200530095	Nguyễn Thị	Thảo	20/10/1989	8.00	5.5	Đạt
121	200530149	Vũ Thị Phương	Thảo	25/07/1997	8.00	9.5	Đạt
122	200530064	Tào Văn	Thịnh	10/02/1981	6.00	5.0	Đạt
123	200530065	Vũ Xuân	Thịnh	26/12/1968	6.25	8.5	Đạt
124	200530152	Trần Thị	Thu	28/12/1995	7.25	7.0	Đạt
125	200530066	Trần Ngọc	Thức	20/12/1970	6.50	5.0	Đạt
126	200530067	Nguyễn Văn	Thương	05/04/1978	6.50	5.5	Đạt
127	200530170	Lê Thị	Thuý	04/08/1996	6.50	8.5	Đạt
128	200530169	Nguyễn Thị	Thuý	01/12/1997	7.00	8.0	Đạt
129	200530069	Lê Thu	Thuỷ	08/07/1992	6.50	8.5	Đạt
130	200530068	Nguyễn Thị	Thúy	02/10/1984	6.75	7.0	Đạt
131	200530154	Hoàng Thị	Thủy	15/05/1998	6.50	7.0	Đạt
132	200530071	Lê Thị	Thủy	12/06/1986	6.50	7.5	Đạt
133	200530155	Lê Thị	Thủy	29/12/1998	7.00	8.0	Đạt
134	200530070	Ngô Thọ	Thủy	25/04/1979	6.75	6.5	Đạt
135	200530096	Trần Tất	Thủy	28/02/1978	6.25	6.5	Đạt
136	200530156	Nguyễn Thị	Tiên	10/09/1993	6.50	8.5	Đạt
137	200530173	Hoàng Mai	Tính	09/03/1971	6.00	9.0	Đạt
138	200530158	Lê Duy	Tới	15/05/1994	6.00	6.0	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi		Kết quả
					Trắc nghiệm	Thực hành	
139	200530157	Lê Thị	Tới	10/10/1997	6.50	7.5	Đạt
140	200530159	Nguyễn Thị Kiều	Trang	10/08/1990	6.50	7.5	Đạt
141	200530073	Nguyễn Thị Mai	Trang	29/03/1989	6.25	7.5	Đạt
142	200530097	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/06/1984	6.50	6.5	Đạt
143	200530160	Phạm Thị Kiều	Trinh	26/06/1998	6.00	7.0	Đạt
144	200530074	Lê Thị	Tú	20/08/1992	6.50	6.5	Đạt
145	200530075	Lê Văn	Tuân	04/02/1982	6.50	6.0	Đạt
146	200530077	Hoàng Xuân	Tuấn	02/10/1981	7.00	6.5	Đạt
147	200530076	Lê Như	Tuấn	08/03/1973	8.00	8.0	Đạt
148	200530161	Lê Minh	Tùng	25/09/1998	7.25	7.5	Đạt
149	200530162	Lê Thanh	Tùng	17/06/1992	8.25	10.0	Đạt
150	200530098	Lê Thị	Tuyết	01/12/1986	6.50	8.0	Đạt
151	200530164	Nguyễn Thị	Tuyết	16/06/1981	7.75	7.0	Đạt
152	200530079	Lê Đình	Vân	05/10/1987	5.75	6.0	Đạt
153	200530080	Nguyễn Thị	Vân	09/08/1976	5.50	9.0	Đạt
154	200530078	Vũ Thị	Vân	10/12/1971	6.25	8.0	Đạt
155	200530081	Nguyễn Văn	Xuân	20/03/1976	6.00	5.5	Đạt

Ấn định danh sách có 155 thí sinh ./.

Q. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Hoàng Nam